|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT** | **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỊCH SỬ LỚP 9** |

**PHẦN LỊCH SỬ THÊ GIỚI TỪ 1945-2000**

**CHƯƠNG I: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX**

**Câu 1.** Từ 1945 đến 1950, Liên Xô bắt tay vào khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nào?

A. Được sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân trong nước và thế giới

B. Là nước thắng trận, thu nhiều lợi nhuận và thành quả từ Hội nghị Ianta

C. Đất nước chịu nhiều tổn thất về người và của, khó khăn về nhiều mặt

D. Liên Xô, Mĩ, Anh, và Pháp vẫn là đồng minh, giúp đỡ lẫn nhau

**Câu 2.** Kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế 5 năm (1946 – 1950) của nhân dân Liên Xô đã hoàn thành trong thời gian:

A. 4 năm B. 4 năm 3 tháng C. 4 năm 5 tháng D. 4 năm 8 tháng

**Câu 3.** Nhân dân Liên Xô đã nhanh chóng hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục và phát triển kinh tê (1946 – 1950) dựa vào:

A. Tinh thần tự lực tự cường B. Những tiến bộ của khoa học – kĩ thuật

C. Sự giúp đỡ của các nước Đông Âu. D. Có nguồn tài nguyên phong phú

**Câu 4.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng ưu tiên phát triển ngành kinh tế nào dưới đây?

A. Công nghiệp nặng B. Công nghiệp nhẹ

C. Dịch vụ - du lịch D. Nông nghiệp

**Câu 5.** Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử đã:

A. Phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mĩ

B. Tạo sự cân bằng với Mĩ về vũ khí hạt nhân

C. Phô trương sức mạnh quân sự của Liên Xô

D. Đưa thế giới vào cuộc chạy đua vũ trang

**Câu 6.** Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại?

A. Hòa bình, trung lập, không liên kết với bất kì tổ chức nào

B. Tích cực ngăn chặn việc sử dụng vũ khí có nguy cơ hủy diệt loài người

C. Bảo vệ hòa bình thế giới, ủng họ phong trào giải phóng dân tộc

D. Kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến của Mĩ

**Câu 7.** Thành tựu quan trọng nhất trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. Chế tạo thành công bom nguyên tử

B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên

C. Phóng tàu vũ trụ Phương Đông bay vòng quanh trái đất.

D. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.

**Câu 8.** Trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng chung trên toàn thế giới trong những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã:

A. Xác định cải cách đất nước là vấn đề sống còn của nhà nước

B. Kịp thời thay đổi thích ứng với tình hình thế giới

C. Tiến hành cải cách kinh tế, chính trị, xã hội cho phù hợp

D. Không tiến hành những cải cách cần thiết về kinh tế và xã hội

**Câu 9.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chính sách đối ngoại của Liên Xô có gì khác so với Mĩ?

A. Vươn lên chi phối, làm bá chủ thế giới

B. Chỉ quan hệ với các nước lớn

C. Duy trì hòa bình và ủng hộ cách mạng TG

D. Chỉ muốn làm bạn với các nước XHCN

**Câu 10.** Sự sụp đổ của Liên Xô năm 1991 đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

A. Trật tự hai cực Ian ta

B. Trật tự thế giới “một cực” hình thành

C. Hình thành trật tự thế giới “đa cực”

D. Phong trào cách mạng thế giới mất chỗ dựa

**Câu 11.** Đặc trưng cơ bản nhất của kinh tế Liê Xô trong giai đoạn 1945 – 1985 là

A. Nền kinh tế thị trường XHCN

B. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

C. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp

D. Nền kinh tế tự nhiên, đóng kín

**Câu 12.** Nguyên nhân khách quan dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu là:

A.Mắc phải sai lầm khi cải tổ

B. Sự chống phá của các thế lực thù địch

C. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí

D. Không bắt kịp sự phát triển của khoa học – kĩ thuật

**Câu 13.** Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn tơi sự sụp đổ CNXH ở Liên Xô và Đông Âu trong đầu thập niên 90 của thế kỉ XX?

A. Khi cải tổ lại mắc phải sai lầm

B. Sự chống phá của ác thế lực thù địch

C. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí

D. Không bắt kịp sự phát triển của khoa học – kĩ thuật

**Câu 14.** Năm 1991 sự kiện nào dưới đây có tác động lớn tới hệ thống XHCN trên thế giới?

A. Các nước Đông Âu bắt đầu lâm vào khủng hoảng

B. Chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô

C. Việt Nam tiến hành đường lối đổi mới

D. Trung Quốc tiến hành cải cách

**Câu 15.** Mục tiêu của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) khi thành lập là:

A. Chống lại sự bao vây quân sự của Mĩ và các nước phương Tây

B. Viện trợ, giúp đỡ Liên Xô khôi phục kinh tế sau chiến tranh

C. Tăng cường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế giữa các nước XHCN

D. Giúp đỡ, viện trợ kinh tế cho các nước Đông Âu khắc phục hậu quả chiến tranh

**Câu 16.** Tổ chức Hiệp ước Vacsava (5/1955) do Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập đê thực hiện mục tiêu :

A. Ủng hộ Liên Xô chống lại sự bành trướng của các nước phương Tây

B. Tăng cường hợp tác, giúp đỡ nhau về kinh tế giữa các nước XHCN

C. Liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị,bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu

D. Chống lại tham vọng của Mĩ muốn thiết lập trật tự “đơn cực”

**Câu 17.** Trải qua 74 năm tồn tại (1919 – 1991) Liên Xô đã có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng thế giới, ngoại trừ việc

A. Tạo được thế cân bằng với Mĩ và phương Tây, trở thành thành trì hòa bình vững chắc của thế giới

B. Xóa bỏ Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apacthai ở Nam Phi vốn đã tồn tại nhiều thế kỉ

C. Góp phần vào duy trì hòa bình, an ninh thế giới sau CTTG II

D. Ủng hộ giúp đỡ các phong trào giải phóng dân tộc, dân chủ và yêu chuộng hòa bình trên thế giới

**Câu 18.** Ngày 15/12/1991 Gooc ba chốp tuyên bố từ chức Tổng thống và lá cờ đỏ búa liềm trên điện Crem li bị hạ xuống đánh dấu

A. Chính quyền Liên bang cộng hòa XHCN Xô Viết bị tê liệt

B. Công cuộc cải tổ bị thất bại, Gooc ba chốp bị phế truất

C. Sự chấm dứt chế độ XHCN ở Liên Xô

D. Sự sụp đổ hệ thống CHCN trên toàn thế giới

**Câu 19.** Dù xuất phart điểm khác nhau, song điểm tương đồng về địa vị quốc tế giữa Liên Xô và Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đều trở thành

A. Cường quốc công nghiệp của thế giới

B. Trụ cột của trật tự thế giới “hai cực” Ianta, chi phối các mối quan hệ quốc tế

C. Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc

D. Nước đi tiên phong trong công cuộc chinh phục vũ trụ

**Câu 20.** Điểm tương đồng về phát triển kinh tế giữa Liên Xô và Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. Dù hoàn cảnh khác nhau nhưng đều trở thành cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới

B. Đều bị tốn kém và phải chi phí nhiều trong việc chạy đua vũ trang

C. Cả hai nước là trụ cột của trật tự thế giới “hai cực” Ianta, chi phối các mối quan hệ quốc tế

D. Đều đi tiên phong trong công cuộc chinh phục vũ trụ

ĐÁP ÁN CHƯƠNG I:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đ/a | C | B | A | A | A | C | D | D | C | C |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| đ/a | C | B | C | B | C | C | B | C | C | C |

**CHƯƠNG II: CÁC NƯỚC Á – PHI – MĨ LA TINH TỪ 1945 - NAY**

Câu 1: Trước CTTG II các nước châu Á (trừ Nhật Bản và Thái Lan) đều là

A. Bị chủ nghĩa thực dân nô dịch

B. Giành được độc lập

C. Là thuộc địa của Pháp

D. Là các nước phát triển mạnh mẽ về kinh tế

Câu 2. Ngày 1/10/1949 nước CHND Trung Hoa ra đời là kết quả của

A. Qúa tình đấu tranh giải phóng dân tộc

B. Qúa trình nổi dậy của nhân dân Trung Quốc

C. Qúa trình đàm phán giữa Mĩ và Liên Xô

D. Cuộc nội chiến 1946 – 1949 giữa Quốc dân Đảng và ĐCS

Câu 3. Nội dung nào dưới đây không thuộc đường lối đổi mới của Trung Quốc từ năm 1978?

A. Tiến hành cải cách và mở cửa

B. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm

C. Thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng”

D. Chuyển sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa

Câu 4. Nội dung nào dưới đây không phản ánh ý nghĩa sự ra đời của nước CHND Trung Hoa?

A. Nâng cao vị thế Trung Quốc trên trường quốc tế

B. Chủ nghĩa xã hội được nối liền từ châu Âu sang châu Á

C. Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập tự do

D. Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc

Câu 5. Tháng 12/1978 ĐCS Trung Quốc đã thực hiện chính sách đối ngoại gì?

A. Cải tổ đất nước B. Đổi mới đất nước

C. Cải cách – mở cửa D. Mở rộng quan hệ đối ngoại

Câu 6. Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Trung Quốc đã thực hiện chính sách đối ngoại gì?

A. Thực hiện đường lói đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc

B. Bắt tay với Mĩ chống lại Liên Xô

C. Gây chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc VN

D. Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới

Câu 7. Điều kiện khách quan nào dưới đây thuận lợi cho các dân tộc ở Đông Nam Á nhanh chóng nổi dậy giành chính quyền sau CTTG II?

A. Phát xít Đức đầu hàng đồng minh

B. Phát xít Nhật đầu hàng đồng minh

C. Liên Xô tham gia tiêu diệt Phát xít Nhật

D. Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản

Câu 8. Ba nước tuyên bố độc lập sớm nhất ở ĐNA ngay sau khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh là:

A. In đô nê xi a, Việt Nam, Cam pu chia

B. In đô nê xi a; Mi an ma; Lào

C.Mai lai xi a; Việt Nam ; Lào

D. In đô nê xi a, Việt Nam; Lào

Câu 9. Hội nghị thành lập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được tổ chức tại nước nào dưới đây?

A. Xin ga po B. Thái Lan C. Malaixia D. Phi líp pin

Câu 10. Yếu tố nào dưới đây không phải là nguyên nhân thành lập của tổ chức ASEAN?

A. Hợp tác giữa các nước để cùng nhau phát triển

B. Hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực

C. Thiết lập sự ảnh hưởng của mình đối với các nước khác

D. Sự ra đời và hoạt động có hiệu quả của tổ chức hợp tác khác trên thế giới

Câu 11.Các quốc gia Đông Nam Á gia thành lập tổ chức ASEAN là

A. Thái Lan, Mi an ma, Ma lai xi a, Xin gap o và Phi lip pin

B. Thái Lan; Brunay, Ma lai xi a; Xin ga po và Phi lip pin

C. Thái Lan, In đô nê xi a; Ma lai xi a; Xin ga po và Phi lip pin

D. Thái Lan, Cam pu chia; Ma lai xi a; Xin gap o và Phi lip pin

Câu 12. Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào và là thành viên thứ mấy trong số các quốc gia gia nhập ASEAN?

A. Ngày 28/8/1995, thành viên thứ 10

B. Ngày 17/8/1996, thành viên thứ 9

C. Ngày 27/8/1997, thành viên thứ 8

D. Ngày 28/7/1995, thành viên thứ 7

Câu 13. Trong những sự kiện dưới đây, sự kiện nào đánh dấu sự khởi sắc trong hoạt động của tổ chức ASEAN?

A. Vấn đề Campuchia được giải quyết 1991

B. Hiệp ước Bali được kí kết năm 1976

C. Việt Nam gia nhập vào tổ chức năm 1995

D. Tính đến năm 1999 đã có 10 nước Đông Nam Á tham gia vào tổ chức

Câu 14. Theo Hiệp ước Ba li, yếu tố nào không phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN?

A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình

C. Chỉ sử dụng vũ lực khi có sự đồng ý của hơn 2/3 số nước thành viên

D. Hợp tác và phát triển có hiệu quả về kinh tế, văn hóa, xã hội

Câu 15. Biến đổi nào là quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay?

A. Lần lượt gia nhập tổ chức ASEAN

B. Đều giành độc lập

C. Trở thành các nước công nghiệp mới

D. Tham gia vào tổ chức Liên hợp quốc

Câu 16. Trong những yếu tố dưới đây, yếu tố nào được xem là thuận lợi của Việt Nam khi tham gia vào tổ chức ASEAN?

A. Có nhiều cơ hội áp dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại của thế giới

B.Có điều kiện tăng cường sức mạnh quân sự của mình trong khu vực

C. Có điều kiện tăng cường sự ảnh hưởng của mình đối với các nước trong khu vực

D.Có điều kiện để thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước phát triển

Câu 17. Khi tham gia tổ chức ASEAN, Việt Nam sẽ phải đối đầu với nguy cơ nào dưới đây?

A. Mất quyền tự chủ về kinh tế

B. Sự chống phá của các thế lực thù địch

C. Mất bản sắc dân tộc, do sự hòa tan về văn hóa

D. Khó xây dựng nền kinh tế công nghệ cao du không đủ tài nguyên

Câu 18. Việc Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN được xem là biển hiện của xu thế nào trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XX?

A. Xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ

B. Mĩ đẩy mạnh thiết lập trật tự thế giới đơn cực sau Chiến tranh lạnh

C.Xu thế hòa bình, hợp tác, đối thoại của các quốc gia trên thế giới

D.Sự điều chỉnh chiến lược phát triển đất nước của các nước sau Chiến tranh lạnh

Câu 19. Những nguyên nhân cơ bản nào dưới đây giúp ba nước In đô nê xi a, Việt Nam, Lào giành độc lập sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á sau CTTGII?

A. Điều kiện khách quan thuận lợi và biết chớp thời cơ

B. Điều kiện khách quan thuận lợi và nhân dân nhiệt tình cách mạng

C. Kẻ thù đã suy yếu và được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ

D.Có sự chuẩn bị kiên trì của Đảng lãnh đạo kết hợp với yếu tố biết chớp thời cơ

Câu 20. Sự kiện đánh dấu việc chấm dứt sự thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi là:

A. 1952 nhân dân Ai Cập lật đổ vương triều Pha rúc

B. 1960 có 17 nước được trao trả độc lập (Năm châu Phi)

C. 1975 với thắng lợi của nhân dân Mô dăm bích và Ăng gô la

D. 1990 nước Cộng hòa Namibia tuyên bố độc lập

ĐÁP ÁN CHƯƠNG II:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đ/a | A | D | C | D | C | D | C | D | B | C |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| đ/a | C | D | B | C | B | D | C | D | D | C |

**CHƯƠNG III: MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ 1945 – 2000**

Câu 1. Yếu tố nào dưới đây là nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản sau CTTG II?

A. Tác dụng của cải cách dân chủ

B. Biết xâm nhập thị trường thế giới

C. Nhân tố con người

D. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thậut

Câu 2. Chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ trong chính sách đối ngoại đã giúp Nhật Bản sớm kí được hiệp ước nào dưới đây

A. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật B. Hiệp ước hòa bình

C. Hiệp ươc Bắc Đại Tây Dương D. Hiệp ước Vacsava

Câu 3. Mĩ lần đầu tiên đưa người lên Mặt trăng vào thời gian nào dưới đây?

A. 7/1969 B. 7/1970 C. 7/1971 D. 7/1972

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điểm chung trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu là”

A. Mở rộng hợp tác với các nước Đông Nam Á

B. Tiến hành chiến tranh tái chiếm thuộc địa

C. Chỉ liên minh chặt chẽ với Mĩ

D. Liên minh chặt chẽ với Nhật Bản

Câu 5. Đặc trưng nổi bật của các giai đoạn phát triển kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. kinh tế Mĩ luôn đứng đầu thế giới

B. Chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng năm 1973

C. Bao vây kinh tế các nước XHCN

D. Không chịu tác động cuộc khủng hoảng kinh tế

Câu 6. Điểm giống nhau cơ bản về kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản sau những năm 50 cảu thế kỉ XX đến năm 2000 là:

A. Đều là trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới

B.Đều không chịu tác động của khủng hoảng kinh tế

C. Đều đầu tư phát triển công nghiệp nặng

D.Đều chịu sự cạnh tranh của các nước XHCN

Câu 7. Kinh tế Mĩ khủng hoảng trong giai đoạn từ 1973 đến 1991 là do

A. Tác động của cuôc khủng hoảng thừa của thế giới

B. Tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới

C. Tác động cuộc khủng hoảng than đá của thế giới

D.Tác động cuộc khủng hoảng thiếu của thế giới

Câu 8. Hành động của Tây Âu thể hiện rõ nét sự ủng hộ cuộc chiến tranh lạnh của Mĩ là

A. Cho Mĩ đóng quân trên lãnh thổ của mình

B. Đàn áp phong trào công nhân trong nước

C. Tiến hành xâm lược thuộc đại ở châu Phi và châu Á

D. Tham gia khối quân sự NATO

Câu 9. Qúa tình liên kết khu vực ở Tây Âu diễn ra mạnh mẽ vì

A. Liên Xô và ác nước XHCN liên kết chặt chẽ cạnh tranh với Tây Âu

B. Tây Âu bị cạnh tranh quyết liệt bởi Mĩ và Nhật Bản

C. Tây Âu muốn thoát khỏi sự khống chế của Mĩ

D. Các nước Tây Âu đều đi theo con đường tư bản chủ nghĩa

Câu 10. Hiệp ước nào dưới đây đã đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU)

A. Hen xin xki B. Béc lin C. Ma xtrich D. Pari

Câu 11. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã cam kết không?

A. Duy trì quân đội thường trực và không đưa các lực lượng vũ trang ra nước ngoài

B. Cho bất cứ nước nào đóng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản

C. Nghiên cứu và chế tạo bất kì loại vũ khí chiến lược nào

D. Nộp mọi phương tiện chiến tranh cho quân đồng minh

 ĐÁP ÁN CHƯƠNG III

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| Đ/a | C | A | A | B | A | A | B | D | C | C | A |

**CHƯƠNG IV: QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)**

Câu 1. Hội nghị I-an-ta (02/1945) có sự tham gia của các quốc gia nào dưới đây?

A. Mĩ, Nhật Bản, Anh. B. Mĩ và Liên Xô, Đức.

C. Nhật Bản, Liên Xô, Pháp. D. Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 2. Hội nghị I-an-ta (02/1945) được tổ chức tại:

A. Liên Xô. B. Mĩ. C. Anh. D. Pháp.

Câu 3. Hội nghị I-an-ta diễn ra trong bối cảnh chiến tranh thế giới thứ 2.

A. Vừa mới bùng nổ. B. Đã kết thúc.

C. Đang diễn ra ác liệt. D. Đang bước vào giai đoạn kết thúc.

Câu 4. Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã đưa đến hệ quả gì?

A. Tổ chức Liên hiệp quốc được thành lập.

B. Chủ nghĩa Phát xít Đức và Nhật bị tiêu diệt tận gốc.

C. Một trận tự thế giới mới được hình thành, được gọi là trật tự hai cực I-an-ta

D. Trên lãnh thổ Đức hình thành hai nhà nước với hai chế độ chính trị khác nhau.

Câu 5. Khi mới thành lập (1945), tổ chức Liên hợp quốc có bao nhiêu nước tham gia?

A. 3 nước. B. 50 nước. C. 90 nước. D.100 nước.

Câu 6. Theo thỏa thuận của Hội nghị I-an-ta, Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Mĩ. B. Liên Xô.

C. Trung Quốc. D. Các nước phương Tây.

Câu 7. Một trong những nhiệm vụ của tổ chức Liên hợp quốc là.

A. Thúc đẩy quan hệ thương mại tự do.

B. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

C. Trừng trị các hoạt động gây chiến tranh.

D. Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây không thể hiện vai trò của Liên hợp quốc?

A. Giải quyết các tranh chấp và xung đột quốc tế.

B. Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế.

C. Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, van hóa, y tế, nhân đạo…

D. Khuyến khích các vùng lãnh thổ, các tổ chức khu vực tự do hành động.

Câu 9. Sự khác biệt cơ bản giữa chiến tranh lạnh và các cuộc chiến tranh khác trên thế giới đã diễn ra là:

A. Chiến tranh lạnh chỉ diễn ra chủ yếu giữa hai nước là Mĩ và Liên Xô

B. Chiến tranh lạnh làm cho thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.

C. Chiến tranh lạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự.

D. Chiến tranh lạnh diễn ra dai dẳng, giằng co và không phân thắng bại.

Câu 10. Chiến tranh lạnh kết thúc vào thời gian nào dưới đây?

A. Tháng 12/1989. B. Tháng 5/2000.

C. Tháng 10/1990. D. Tháng 6/2011.

Câu 11. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, Mĩ muốn thiết lập trật tự thế giới:

A. Đơn cực. B. Đơn cực nhiều trung tâm,

C. Đa cực nhiều trung tâm. D. Đa cực.

Câu 12. Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển là:

A. Trách nhiệm của các nước đang phát triển.

B. Trách nhiệm của các nước phát triển hiện nay.

C. Mong muốn chung của nhân loại khi bước sang thế kỉ XXI.

D. Thời cơ đối với các dân tộc khi bước sang thế kỉ XXI.

Câu 13. Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. Sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường và thuộc địa của các nước tư bản.

B. Sự liên minh kinh tế khu vực và thế giới.

C. Sự đối đầu giữa Liên Xô và Mĩ.

D. Sự phân chia giàu nghèo giữa các quốc gia.

Câu 14. Xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh là:

A. Hòa bình, hợp tác.

B. Xung đột sắc tộc.

C. Nạn khủng bố lan tràn khắp thế giới.

D. Hòa bình nhưng còn xung đột ở một số nơi.

Câu 15. Ý nghĩa nào dưới đây không đúng với khái niệm chiến tranh lạnh?

A. Là cuộc chiến tranh không nổ súng, không xung đột trực tiếp bằng quân sự.

B. Là cuộc đối đầu trực tiếp, căng thẳng giữa hai cực Liên Xô và Mĩ, diễn ra trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa…

C. Là chính sách thù địch về mọi mặt của Mĩ và đồng minh trong quan hệ với Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

D. Là cuộc chạy đua quân sự giữa hai siêu cường Liên Xô và Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 16. Nguyên nhân chủ yếu buộc Mĩ và Liên Xô phải chấm dứt chiến tranh lạnh là

A. Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa.

B. Cuộc chạy đua vũ trang làm cho 2 nước tốn kém và bị suy giảm về nhiều mặt.

C. Sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mĩ.

Câu 17. Mĩ đã vấp phải thất bại ở đâu khi thực hiện “chiến lược toàn cầu” trong thời kì Chiến tranh lạnh.

A. Trong cuộc Chiến tranh Triều Tiên.

B. Chiến tranh với Trung Quốc.

C. Chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Chiến tranh chống Cu-Ba.

Câu 18. Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia tập trung vào chiến lược:

A. Chinh phục vũ trụ. B. Chạy đua vũ trang.

C. Chống chủ nghĩa khủng bố. D. Phát triển kinh tế.

Câu 19. Sự phát triển của xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, cùng phát triển trong quan hệ quốc tế được xem là

A. Nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.

B. Trách nhiệm của các nước đang phát triển.

C. Trách nhiệm của các nước phát triển.

D. Thời cơ và thách thức đối với các quốc gia – dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

 ĐÁP ÁN CHƯƠNG IV

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| đ/a | D | A | D | C | B | D | B | D | C | A |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| đ/a | A | A | C | D | B | D | C | D | D |  |

**CHƯƠNG V: CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT**

Câu 1. Quốc gia nào dưới đây là nơi khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật từ nửa sau thế kỉ XX?

A. Mĩ B. Nhật Bản C. Anh D. Liên Xô

Câu 2. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến bùng nổ cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là do:

A. Bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt

B. Kế thừa những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII – XIX

C. Nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần của con người ngày càng cao

D. Yêu cầu của việc chạy đua vũ trang trong thời kì chiến tranh lạnh

Câu 3. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Diễn ra trên tất cả các lĩnh vực

C. Quy mô lớn, tốc độ nhanh

D. Kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất

Câu 4. Điểm khác nhau cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay với cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII – XIX là

A. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ kinh nghiệm thực tiễn

B. Mọi phát minh kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản

C. Mọi phát minh kĩ thuật đều xuất phát từ đòi hỏi cuộc sống

D. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học

Câu 5. Sự kiện nào dưới đây mở đầu cho kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?

A. Năm 1949, Liên Xô nghiên cứu và chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Năm 1957, Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Năm 1961, Liên Xô phóng tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái đất.

D. Năm 1969, Mĩ đưa con người lên thám hiểm Mặt Trăng.

Câu 6. Nguồn năng lượng mới nào dưới đây được tìm ra trong cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại ở nửa sau thế kỉ XX?

A. Than đá. B. Dầu mỏ.

C. Thủy điện. D. Mặt trời.

Câu 7. Sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. Làm bùng nổ thông tin với tốc độ nhanh chóng.

B. Tăng đầu tư vào khoa học cho lãi cao nhất.

C. Dẫn đến hiện tượng “Chảy máu chất xám”.

D. Làm xuất hiện cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

Câu 8. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. Tạo ra một khối lượng hàng hóa đồ sộ.

B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

C. Làm thay đổi căn bản các nhân tố sản xuất.

D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 9. Mặt hạn chế trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. Chế tạo ra vũ khí hủy diệt, tình trạng ô nhiễm môi trường, những tai nạn lao động và giao thông, nhiều loại bệnh tật mới…

B. Chế tạo vũ khí hiện đại, đẩy nhân loại đến trước nguy cơ chiến tranh mới.

C. Nguy cơ mất ổn định xã hội, khơi sâu khoảng cách giàu nghèo.

D. Nguyên nhân của nạn khủng bố, gây nên tình trạng căng thẳng.

Câu 10 Trong giai đoạn nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại diễn ra với sự ra đời của những nội dung:

A. Thế hệ máy tính điện tử mới, vật liệu mới, những dạng năng lượng mới.

B. Thế hệ máy tính điện tử mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học, phát triển tin học.

C. Vật liệu mới, công nghệ sinh học, năng lượng mới, phát triển tin học.

D. Thế hệ máy tính điện tử mới, vật liệu mới, những dạng năng lượng mới và công nghệ sinh học, phát triển tin học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| đ/a | A | C | A | D | B | D | A | B | A | D |

**PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919-2000**

**CHƯƠNG I: LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919 – 1930**

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp thực hiện ở Việt Nam

A. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất

B. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai

C. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ ba

D. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ tư

Câu 2. Đặc điểm của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam là

A. Đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế

B. Đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô nhỏ vào tất cả các ngành kinh tế

C. Đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành giao thông vận tải

D.Đầu tư vào phát triển văn hóa và ổn định tình hình chính trị

Câu 3. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào các ngành

A. Công nghiệp chế biến và thương nghiệp

B. Nông nghiệp và khai thác mỏ

C. Nông nghiệp và thương nghiệp

D.Giao thông vận tải và thông tin liên lạc

Câu 4. Sau Chiến trnah thế giới thứ nhất, lực lượng cách mạng to lớn và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam là

A. Công nhân B. Nông dân C. Tiểu tư sản D. Tư sản dân tộc

Câu 5. Cuộc đấu tranh đầu tiên do tầng lớp tư sản dân tộc phát động trong năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là giai cấp tầng lớp nào dưới đây?

A. Phong trào “chấn hung nội hóa” “bài trừ ngoại hóa”

B. Thành lập nhà xuất bản và ra một số tờ báo tiến bộ

C.Chống độc quyền thương cảng Sài Gòn

D. Chống độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kì

Câu 6. Năm 1919 Nguyên Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc xai bản

A. Yêu sách của dân tộc Á Đông

B.Yêu sách của nhân dân An Nam

C.Yêu sách của nhân dân Đông Dương

D.Yêu sách của những người cùng khổ trên thế giới

Câu 7. Cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Pari là báo

A. Thanh niên B. Nhân dân C. Tiếng dân D. Người cùng khổ

Câu 8. Mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là mâu thuẫn giữa

A. giai cấp vô sản với giai cấp tư sản

B. giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến

C. toàn thể nhân dân ta với thực dân Pháp

D. toàn thể nhân dân ta với thực dân Pháp và phản động tay sai

Câu 9. Trong các cuộc khai thác thuộc địa tiến hành ở Việt Nam, thực dân Pháp đều hạn chế phát triển công nghiệp nặng vì

A. Muốn cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp

B. Muốn biến Việt Nam thành thị trường trao đổi hàng hóa với Pháp

C. Muốn biến Việt Nam thành căn cứ quân sự và chính trị của Pháp

D. Việt Nam không có thế mạnh để phát triển nhanh công nghiệp nặng

Câu 10. Hoạt động nổi bật của các tầng lớp tiểu tư sản trí thức trong những năm 1919 – 1925 là

A. Đấu tranh đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu 1925 và tổ chức truy điệu đưa tang cụ Phan Chu Trinh 1926.

B. Ra một số tờ báo có nội dung dân chủ tiến bộ, vận động tẩy chay hàng hóa của Hoa kiều ở Bắc Kì

C.Thành lập tổ chức Hội Phục Việt và nhà xuất bản Nam Đồng thư xã

D. thành lập nhà xuất bản Cường học thư xã và ra tờ báo Chuông rè.

Câu 11. Sự kiện đánh dấu Nguyễn Ái Quốc đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Leenin và trở thành một người công sản là:

A. Ủng hộ quốc tế Cộng sản

B. thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

C. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

D. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Câu 12. Điểm vượt trội trong hoạt động của tầng lớp tiểu tư sản trí thức so với tầng lớp tư sản dân tộc ở nước ta trong những năm 1919 – 1925 là

A. Ý thức chính trị khá rõ nét, hình thức đấu tranh phong phú, sôi nổi và thu hút đông đảo nhân dân tham gia

B. thành lập được chính đảng của giai cấp tiểu tư sản, có đường lối đấu tranh đúng đắn khoa học

C.Hình thức đấu tranh phong phú, mục tiêu rõ ràng và kiên trì con đường bạo lực cách mạng

D. Hình thức đấu tranh đơn điệu, mang nặng tính cải lương, thỏa hiệp với chính quyền Pháp

Câu 13. Sự kiện đánh dấu việc chấm dứt vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân Đảng và khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam là:

A. Thất bại trong vụ mưu sát tên trùm mộ phu Ba danh ở Hà Nội

B. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam 1929

C.Thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái 2/1930

D. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 1930

Câu 14. Nhận xét nào dưới đây không đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1919 – 1925?

A.Tìm ra con đường cách mạng vô sản

B. Chuẩn bị tư tưởng, chính trị cho sự thành lập Đảng

C. Chuẩn bị về mặt tổ chức cho sự thành lập đảng

D. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu 15. Sự khác nhau cơ bản giữa tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Việt Nam Quốc dân Đảng là ở:

A. Địa bàn hoạt động

B. Thành phần tham gia

C. Khuynh hướng cách mạng

D. Phương pháp, hình thức đấu tranh

Câu 16. Bối cảnh nào dưới đây dẫn tới sự xuất hiện của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929

A. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ

B. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước không phát triển

C. Phong trào đấu tranh của công nhân không phát triển

D. Phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ

Câu 17. Cơ quan nào dưới đây của Pháp nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương?

A. Chính phủ Pháp

B. Ngân hàng Đông Dương

C. Phòng Thương mại Đông Dương

D. Hội đồng kinh tế - lí tài Đông Dương

Câu 18. Năm 1928 Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên thực hiện chủ trương nào?

A. Vô sản hóa

B.Tư sản hóa

C. Đào tạo cán bộ cốt cán của cách mạng

D.Lien lạc với các dân tộc bị áp bức để cùng làm cách mạng

Câu 19. Tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản nào dưới đây được thành lập vào tháng 6 năm 1929.

A. An Nam Cộng sản Đảng

B. Đông Dương cộng sản Đảng

C.Đông Dương cộng sản Liên Đoàn

D.Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

Câu 20. Đến nửa cuối năm 1929 Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã phân hóa thành

A. Đông Dương Cộng sản Đảng và Dông Dương cộng sản Liên đoàn

B. Đông Dương Cộng sản đảng và Tân Việt Cách mạng đảng

C. Đông Dương cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng

D.Đông Dương Cộng sản liên đoàn và An Nam cộng sản đảng

ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| đ/a | B | A | B | B | A | B | D | D | A | A |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| đ/a | C | A | C | B | C | A | B | A | B | C |

**CHƯƠNG II: LỊCH SỬ VIỆT NAM 1930 - 1939**

Câu 1. Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 là gì?

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công – nông

B. Thành lập được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng

C. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh

D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng

Câu 2. Điểm hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930 là còn nặng về

A. Đấu tranh giải phóng dân tộc

B. Đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất

C. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp

D. Đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng

Câu 3. Nguyên nhân nào dưới đây là cơ bản nhất quyết định sự bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

A. Địa chủ phong kiến tay sai tăng cường bóc lột nhân dân Việt Nam

B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái

C. Đảng cộng sản VN ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh

D. Ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 làm đời sống nhân dân cơ cực

Câu 4. Hai khẩu hiệu chính trị mà Đảng cộng sản Đông Dương đề ra trong phong trào cách mạng 1930-1931 là:

A. Độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày

B. Chống đế quốc và chống phát xít, chống chiến tranh

C. Giải phóng dân tộc và tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt nam

D. Đả đảo chủ nghĩa đế quốc! Đả đảo phong kiến và thả tù chính trị

Câu 5. Ý nghĩa chủ yếu của phong trào cách mạng 1930 – 1931 đối với cuộc vận động giải phóng dân tộc là:

A. Đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu

B. Khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng

C. Tạo điều kiện cho Mặt trận dân tộc thống nhất ra đời

D. Phong trào như cuộc tập dượt đầu tiên cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này

Câu 6. Điểm khác biệt cơ bản giữa Luận cương chính trị và Cương lĩnh chính trị đầu tiên là gì?

A. Luận cương xác định mâu thuẩn cơ bản của xã hội là thuộc địa nhưng nặng về đấu tranh giai cấp

B. Luận cương không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa nhưng lại nặng về đấu tranh dân tộc

C. Luận cương không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội về thuộc địa, nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

D. Luận cương xác định nhiệm vụ đấu tranh dân tộc là hàng đầu nhưng không đề ra được sách lược liên minh giai cấp, đoàn kết dân tộc.

Câu 7. Sự khác biệt giữa phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ Tĩnh với phong trào đấu tranh của cả nước trong năm 1930 là:

A. Nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể.

B. Nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị.

C. Những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ.

D. Những cuộc biểu tình của nông dân chỉ đạt ra mục tiêu cải thiện đời sống.

Câu 8. Chính quyền Cách mạng ở Nghệ Tĩnh trong phong trào Cách mạng 1930 – 1931 được gọi là Xô Viết vì?

A. Đây là chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.

B. Đây là chính quyền đầu tiên của công – nông.

C. Chính quyền được tổ chức theo nhà nước kiểu mới.

D. Được tổ chức theo kiểu Xô Viết ở Nga.

Câu 9. Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (7/1933) xác định nhiệm vụ trước mắt của Cách mạng thế giới là gì?

A. Chống chủ nghĩa đế quốc. B. Chống chủ nghĩa phát xít.

C. Chống chủ nghĩa thực dân. D. Chống chế độ phản động thuộc địa.

Câu 10. Phương pháp đấu tranh của Cách mạng thời kỳ 1936 – 1939 là sự kết hợp giữa các hình thức đấu tranh:

A. Công khai, bí mật và đấu tranh vũ trang.

B. Hợp pháp, bất hợp pháp và đấu tranh chính trị.

C. Công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

D. Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp.

Câu 11. Mục tiêu đấu tranh trong giai đoạn 1936-1939 được Đảng xác định là.

A. Đánh đổ đế quốc – phat xit

B. Độc lập dân tộc và người cày có ruộng

C. Tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

D. Đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc.

Câu 12. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương (7/1936) đã chủ trương thành lập

A. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương

B. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh

C. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương

D. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương

Câu 13. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 có gì khác so với phong trào cách mạng 1930 – 1931 về mục tiêu đấu tranh?

A. Tập trung vào nhiệm vụ phản đế

B. Tập trung vào nhiệm vụ phản phong

C. Đòi giảm tô, giảm tức, xóa nợ cho nông dân

D. Đòi cải thiện đời sống, tự do, dân chủ, hòa bình

Câu 14. Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong nhưng năm 1936- 1939 thực chất là cuộc

A. Vận động dân tộc, dân chủ

B. Cách mạng giải phóng dân tộc

C. Tuyên truyền, giác ngộ quần chúng

D. Đấu tranh giai cấp để giải phóng dân tộc

Câu 15. Khẩu hiện Đánh đuổi Pháp – Nhật được thay bằng khẩu hiện Đánh đuổi phát xít Nhật được nêu ra trong văn kiện nào dưới đây?

A. Văn kiện Đại hội Quốc dân Tân Trào (16-17/8/1945)

B. Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (3/1945

C. Văn kiện Hội nghị toàn quốc của Đảng (1-15/8/1945)

D. Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/3/1945)

Câu 16. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng vì đã

A.Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc

B. Đặt vấn đề dân tộc cho toàn cõi Đông Dương

C. Giải quyết kịp thời vấn đề ruộng đất cho nông dân

D. Xác đinh kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật

Câu 17. Sự kiên nào dưới đây đã mở ra kỉ nguyên mới, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

A. Thắng lợi trong phong trào 1930 – 1931

B. Thắng lợi trong phong trào dân chủ 1936 – 1939

C. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945

D. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 – giữa tháng 8/1945

Câu 18. Đảng cộng sản Đông Dương xác định kẻ thù của cách mạng trong giai đoạn 1936 – 1939 là:

A. Đế quốc, phát xít Pháp – Nhật B. Thực dân, phong kiến

C. Phát xít Nhật, tay sai D. Bọn phản động thuộc địa và tay sai

Câu 19. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) chủ trương thành lập mặt trận nào dưới đây?

A. Mặt trận Liên Việt

B. Mặt trận Đồng minh

C. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương

D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh)

Câu 20. Trong lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra chỉ thị nào dưới đây?

A. Đánh đuổi Pháp – Nhật

B. Đánh đuổi phát xít Nhật

C. Chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền

D. Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| đ/a | A | D | C | A | D | C | C | D | B | C |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| đ/a | C | A | D | A | D | C | C | D | D | D |

**CHƯƠNG III: CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**

Câu 1. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (13/8/1945) đã thông qua quyết định quan trọng nào dưới đây:

A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.

B. Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

C. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và hạ lệnh tổng khởi nghĩa.

D. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây không phải là ý nghĩa của cuộc Cách mạng tháng 8/1945?

A. Góp phần vào chiến thắng chống phát xít của phe Đồng minh.

B. Mở ra một kỷ nguyên mơi: độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

C. Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhât và phong kiến, đưa nhân dân lên nắm chính quyền.

D. Buộc pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Câu 3. Hội nghj Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941 có vai trò như thế nào với Cách mạng tháng 8/1945?

A. Chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh.

B. Củng cố được khối đoàn kết nhân dân.

C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

D. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.

Câu 4. Hội nghị toàn quốc của Đảng (14 – 15/8/1945) đã quyết định vấn đề cơ bản nào dưới đây?

A. Phát động lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước.

B. Cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

C. Kêu gọi nhân dân đứng lên chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

D. Giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương

Câu 5. “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập*”. Đoạn trích trên được trích trong:

A. Bản Tuyên ngôn Độc lập.

B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. 10 chính sách của mặt trận Việt Minh.

D. Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi*.

Câu 6. Cách mạng tháng 8/1945 ở Việt Nam thắng lợi do nguyên nhân khách quan nào dưới đây:

A. Hồng quân Liên Xô tiêu diệt quân đội Quan Đông của Nhật Bản.

B. Nhật Bản bị Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố.

C. Quân Nhật và tay sai ở Đông Dương hoang mang, suy sụp.

D. Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh đánh thắng phát xít Đức, Nhật.

Câu 7. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ chính của Cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của

A. Thủ đô kháng chiến. B. Nước Việt Nam mới.

C. Chính phủ lâm thời. D. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây không thuộc Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941?

A. Tạm gác khẩu hiệu Cách mạng ruộng đất.

B. Kẻ thù của Cách mạng là Pháp – Nhật.

C. Nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh giai cấp.

D. Nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc.

Câu 9. Sự kiện Nhật đảo chính Pháp (09/3/1945) là do nguyên nhân cơ bản nào dưới đây?

A. Mâu thuẩn Pháp – Nhật càng lúc càng gay gắt.

B. Nhật tiến hành theo kế hoạch chung của phe phát xít.

C. Thất bại gần kề của Nhật trong chiến tranh Thế giới thứ hai.

D. Phong trào cách mạng dâng cao gây cho Nhật Bản nhiều khó khăn

Câu 10. Nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng 8/1945 là gì?

A. Liên minh công – nông vững chắc.

B. Phát xít Nhật đã bị quân Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của Đông Dương đã gục ngã.

C. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân.

Câu 11. Điểm giống nhau cơ bản giữa nội dung Hội nghị tháng 11/1939 và nội dung Hội nghị thàng 5/1941 là gì?

A. Liên kết công – nông chống phát xít.

B. Chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh.

C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

D. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

Câu 12. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị tháng 5/1941 có điểm gì khác so với chủ trương tại Hội nghị tháng 11/1939?

A. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

B. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vi từng nước Đông Dương.

C. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc là mục tiêu số một của Cách mạng.

D. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 13. Điều kiện khách quan nào dưới đây tạo thời cơ cho nhân dân ta đứng lên giành độc lập trong tháng 8 năm 1945?

A. Thắng lợi của phe đồng minh.

B. Phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện.

C. Sự đầu hàng của phát xít I-ta-li-a và phát xít Đức.

D. Sự thất bại của phe Phát xít ở chiến trường châu Âu.

Câu 14. Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của Cách mạng Động Dương thời kì 1939 – 1945 là gì?

A. Chống đế quốc, phát xít. B. Chống phong kiến.

C. Giải phóng dân tộc. D. Chống đế quốc, phong kiến.

Câu 15. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nạn đói cuối năm 1944, đầu năm 1945 ở Việt Nam là gì?

A. Vụ mùa năm 1945 thất thu do thiên tai.

B. Thực dân Pháp bắt dân ta bán thóc theo diện tích cấy.

C. Lương thực từ miền Nam không thế vận chuyển ra miền Bắc.

D. Phát xít Nhật bắt dân to nhổ lúa, hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

Câu 16. Hình thái khởi nghĩa đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa được xác định trong hội nghị nào dưới đây?

A. Hội nghị thành lập Đảng (đầu năm 1930).

B. Hội nghị Trung ương Đảng lần 6 (11/1939).

C. Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5/1941).

D. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (14 – 15/8/1945)

Câu 17. Thời cơ “ngàn năm có một” của Cách mạng tháng Tám năm 1945 tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. Từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

B. Từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

C. Từ sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

D. Từ trước khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến sau khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| đ/a | C | D | D | A | A | C | B | C | A |
| Câu | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |  |
| đ/a | C | C | B | B | C | D | C | B |  |